TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X- VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Thanh B**;

Bà **Lê Thị Cúc H.**

***Thư ký phiên tòa**:* Ông **Đặng Văn T-**Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực X-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25-12-2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29-12-2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh P, sinh năm 1977; Địa chỉ: số Y, lộ T1, khóm K, phường H1, khu H2, thành phố C, Đài Loan, Trung Quốc (Đài Loan), (có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện uỷ quyền của Anh P để giao, nhận văn bản của Toà án là: Chị Lê Nguyên Anh N, sinh năm 2002; Thường trú: Tổ dân phố L, phường C1, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp V, xã P1, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-11-2025, trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh P trình bày:

Ngày 06/10/2025, anh kết hôn với chị Lê Thị Hồng D, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 121/2025, ngày 06/10/2025, trong quá trình sống chung anh với chị D không có con chung.

Tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau khi kết hôn, hai bên có thời gian chung sống được khoảng 01 tuần thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, khác biệt về văn hóa và quan điểm sống, đồng thời hai bên không thống nhất được việc sinh sống chung tại Đài Loan, dù đã cố gắng trao đổi, hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình cảm vợ chồng không gắn bó, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Hồng D.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết;

Ý kiến của chị Lê Thị Hồng D trình bày: Ngày 06/10/2025, chị kết hôn với anh P, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 121/2025, ngày 06/10/2025, trong quá trình sống chung chị với anh P không có con chung.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Sau khi kết hôn, hai bên có thời gian chung sống được khoảng 01 tuần thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, khác biệt về văn hóa và quan điểm sống, đồng thời hai bên không thống nhất được việc sinh sống chung tại Đài Loan, dù đã cố gắng trao đổi, hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình cảm vợ chồng không gắn bó, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị với anh P được ly hôn để mọi người tạo lập cuộc sống riêng phù hợp hơn.

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết;

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự (Bản chính); Bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn cung cấp CCCD (photo), bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp giữa nguyên đơn anh P với chị Lê Thị Hồng D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Anh P có quốc tịch Đài Loan hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị Lê Thị Hồng D có hộ khẩu tại xã P1, tỉnh Vĩnh Long, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực X-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh P với chị Lê Thị Hồng D kết hôn vào ngày 06/10/2025 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, tỉnh Vĩnh Long theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh P với chị Lê Thị Hồng D là hợp pháp. Quá trình sống chung anh P với chị L đều xác định tình trạng hôn nhân không hợp, không tìm được tiếng nói chung làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc anh P với chị Lê Thị Hồng D đều xác định vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được và thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh P với chị Lê Thị Hồng D.

[3] *Về con chung:* Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết;

[5] *Về án phí hôn nhân*: Buộc anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 207, 228, 238, 266, 271, 273, 280, 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh P với chị Lê Thị Hồng D.

2. Về con chung: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có,

nên không yêu cầu giải quyết;

3. Về tài sản chung: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết;

4. Về nợ chung: Anh P với chị Lê Thị Hồng D thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013027, ngày 25-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh P đã nộp đủ án phí. Chị Lê Thị Hồng D không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn anh P có đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị Hồng D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KVX- Vĩnh Long;
- Phòng THADS KVX- Vĩnh Long;
- UBND xã P1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm